

KẾ HOẠCH

**Triển khai tổng kết thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn
2012-2020” trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

Thực hiện Kế hoạch số 326/KH-BGDĐT ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai tổng kết thực hiện Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020” (sau đây viết tắt là Đề án 89),

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai tổng kết thực hiện Kế hoạch số 4438/KH-UBND ngày 23/9/2013 triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020” trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (sau đây viết tắt là Kế hoạch 4438) với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Đánh giá toàn diện, tổng thể kết quả và tác động của Kế hoạch 4438, trong đó tập trung đánh giá kết quả đạt được so với mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và rút ra bài học kinh nghiệm triển khai thực hiện Kế hoạch 4438.

b) Đề xuất định hướng, mục tiêu, phương hướng và giải pháp chủ yếu triển khai nhiệm vụ xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030.

c) Tổ chức biểu dương, tôn vinh, khen thưởng các tập thể, cá nhân, các địa phương có đóng góp tích cực trong quá trình thực hiện Kế hoạch 4438.

2. Yêu cầu

a) Đánh giá tổng kết được thực hiện trong phạm vi toàn tỉnh; được tổ chức thực hiện từ cấp xã đến cấp huyện và cấp tỉnh.

b) Tổng kết phải bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch 4438 và hướng dẫn tại Kế hoạch này. Hình thức tổng kết phải đảm bảo thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của cơ quan, đơn vị và địa phương.

c) Việc lựa chọn nhân tố, điển hình tiên tiến để biểu dương, khen thưởng cần bảo đảm chính xác, đúng đối tượng. Các tập thể, cá nhân được biểu dương, khen thưởng có tác dụng động viên, giáo dục, có sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

II. NỘI DUNG TỔNG KẾT

1. Đánh giá công tác chỉ đạo điều hành, cơ chế phối hợp và trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

2. Đánh giá công tác tham mưu, xây dựng các văn bản chính sách thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập theo ngành, lĩnh vực.

3. Đánh giá kết quả việc huy động, phân bổ ngân sách cho các hoạt động của Kế hoạch 4438.

4. Đánh giá những kết quả đạt được so với mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra, những mặt được, chưa được qua các năm thực hiện Kế hoạch 4438.

5. Phân tích nguyên nhân của những kết quả đạt được và tồn tại, hạn chế, từ đó đề xuất định hướng, mục tiêu, phương hướng và giải pháp chủ yếu triển khai nhiệm vụ xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030.

6. Ghi nhận và giới thiệu, biểu dương, tôn vinh, khen thưởng các điển hình tiên tiến, các mô hình tiêu biểu, có đóng góp tích cực trong quá trình thực hiện Kế hoạch 4438.

III. THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Thời gian tổ chức thực hiện việc tổng kết các cấp: Từ tháng 8 năm 2020 đến tháng 9 năm 2020.

2. Tiến độ thực hiện:

2.1. Các sở, ngành, các hội đoàn thể, UBND cấp xã và cấp huyện: Hoàn thành tổng kết trong tháng 8 năm 2020.

2.2. Cấp tỉnh: Hoàn thành tổng kết trong tháng 9 năm 2020.

IV. ĐỐI VỚI CÔNG TÁC KHEN THƯỞNG

1. Đối tượng khen thưởng

Các tập thể, cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị và các địa phương có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch 4438.

2. Hình thức khen thưởng

2.1. Tặng bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

2.2. Tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

2.3. Tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

3. Nguyên tắc, tiêu chuẩn xét khen thưởng

3.1. Nguyên tắc xét khen thưởng

- Dựa trên cơ sở thành tích đạt được của các tập thể và cá nhân;

- Đảm bảo đúng đối tượng và tiêu chuẩn theo quy định;

- Đảm bảo tính công bằng, dân chủ, khách quan và chính xác.

3.2. Tiêu chuẩn xét khen thưởng

3.2.1. Tặng bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh:

a. Đối với tập thể

- Tặng cho tập thể gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết.

- Có thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch 4438 được cấp ủy, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị ghi nhận, cụ thể:

+ Ban hành chương trình, kế hoạch hàng năm để thực hiện Kế hoạch 4438;

+ Triển khai tốt công tác tuyên truyền và tổ chức các hoạt động thiết thực nhằm triển khai hiệu quả Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời và Ngày Sách Việt Nam hằng năm, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc học tập thường xuyên, học tập suốt đời trong các tầng lớp nhân dân.

+ Huy động được các nguồn lực để triển khai thực hiện Kế hoạch 4438;

+ Tổ chức các hoạt động thiết thực nhằm triển khai hiệu quả Kế hoạch 4438;

+ Có sáng kiến, đổi mới phương thức tổ chức tại địa phương, đơn vị;

+ Đặc biệt ưu tiên các địa phương, đơn vị khắc phục khó khăn, triển khai hiệu quả tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo,...

- Hàng năm có báo cáo việc triển khai thực hiện Kế hoạch 4438.

b. Đối với cá nhân

- Tặng cho cá nhân gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Kế hoạch 4438 tại địa phương, đơn vị đảm bảo tiến độ, đạt chất lượng, hiệu quả, được cấp ủy, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị ghi nhận.

- Gương mẫu trong việc học tập thường xuyên, suốt đời.

3.2.2. Tặng bằng khen của Bộ GDĐT và Thủ tướng Chính phủ

a) Đối với tập thể

Tập thể được tặng bằng khen của Bộ GDĐT và Thủ tướng Chính phủ là tập thể đạt thành tích tiêu biểu, xuất sắc nhất trong số các tập thể được bộ, ngành, tổ chức và địa phương đề nghị khen thưởng trong việc tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch 4438.

b) Đối với cá nhân

Cá nhân được tặng bằng khen của Bộ GDĐT và Thủ tướng Chính phủ là cá nhân tiêu biểu, xuất sắc nhất trong số các cá nhân được bộ, ngành, tổ chức và các địa phương đề nghị khen thưởng trong việc tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch 4438.

4. Số lượng khen thưởng

a) Đối với bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh: mỗi cơ quan, đơn vị và địa phương lựa chọn, đề nghị khen thưởng cho 02 tập thể và 02 cá nhân.

b) Đối với bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: UBND tỉnh lựa chọn, đề nghị khen thưởng cho 02 tập thể và 02 cá nhân.

c) Đối với bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: UBND tỉnh lựa chọn đề xuất khen thưởng cho 01 tập thể và 01 cá nhân.

5. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

a) Hồ sơ đề nghị khen thưởng nộp 03 bộ (bản chính), mỗi bộ gồm:

b) Tờ trình đề nghị khen thưởng (*Mẫu số 01*);

c) Biên bản họp xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đối với tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng (*Mẫu số 02*);

d) Báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng (*Mẫu số 03*).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với các sở, ngành, tổ chức hội, đoàn thể cấp tỉnh

a) Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn và đôn đốc các địa phương thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước theo chức năng nhiệm vụ được giao.

b) Khen thưởng, biểu dương tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình thực hiện Kế hoạch 4438. Hồ sơ, quy trình thực hiện theo đúng quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng.

- Đề nghị Thủ trưởng các sở, ngành, tổ chức hội, đoàn thể xem xét, quyết định khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Kế hoạch 4438.

- Đề xuất khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu để cơ quan thường trực (Sở Giáo dục và Đào tạo) tổng hợp, đề nghị các cấp khen thưởng.

Ngoài các nhiệm vụ chung nêu trên, đề nghị một số sở, ngành, tổ chức hội, đoàn thể triển khai một số nội dung sau:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hoá, câu lạc bộ”.

- Sở Thông tin và Truyền thông: Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 13/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Truyền thông về xây dựng xã hội học tập”.

- Liên đoàn Lao động tỉnh: Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 231/QĐ-TTg ngày 13/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2020”.

- Hội Khuyến học tỉnh: Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 281/QĐ-TTg ngày 20/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020”.

- Sở Lao động-Thương binh và Xã hội: Đánh giá kết quả học nghề của người lao động nông thôn với các mục tiêu đề ra theo Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; Đề án “Trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020” và “Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2012-2020”. Đánh giá việc mở rộng các hình thức đào tạo nghề trong doanh nghiệp, công ty, đào tạo nghề gắn với sản xuất và đào tạo nghề cho lao động nông thôn; đánh giá xây dựng các chính sách hỗ trợ học viên, sinh viên thuộc diện chính sách, các nhóm đối tượng theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng; có điều kiện học tập suốt đời.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Đánh giá kết quả xây dựng các chương trình, học liệu học tập suốt đời liên quan đến nông nghiệp và nông thôn, xây dựng chính sách hỗ trợ cho lao động nông thôn có điều kiện thuận lợi để học tập suốt đời.

- Sở Nội vụ: Đánh giá kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức từ cấp tỉnh đến cấp xã theo các mục tiêu đề ra tại Kế hoạch 4438.

- Tỉnh Đoàn: đánh giá kết quả tuyên truyền về xây dựng xã hội học tập cho đoàn viên, thanh niên, phong trào tuổi trẻ sáng tạo, chương trình đồng hành với thanh niên trong học tập, nghiên cứu khoa học và kết quả vận động nguồn lực hỗ trợ thanh niên có hoàn cảnh khó khăn trong học tập.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh: Đánh giá kết quả tuyên truyền về xây dựng xã hội học tập trong phong trào “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc” và cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”; tuyên truyền, vận động phụ nữ, trẻ em gái ở những vùng khó khăn chưa biết chữ ra học các lớp xóa mù chữ.

2. Đối với cơ quan thường trực: Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp tỉnh, có trách nhiệm hướng dẫn các sở, ngành, tổ chức hội, đoàn thể

và các địa phương tiến hành tổng kết. Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các cơ quan, đơn vị, tham mưu xây dựng báo cáo tổng kết của Ban Chỉ đạo.

b) Tổng hợp danh sách tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc từ đề xuất của các cơ quan, đơn vị; tham mưu lựa chọn, trình UBND tỉnh hình thức khen thưởng.

c) Triển khai các công việc chuẩn bị cho tổng kết thực hiện Kế hoạch 4438.

d) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan báo chí đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá về kết quả thực hiện Kế hoạch 4438 trên toàn tỉnh (*tuyên truyền trước, trong và sau tổng kết*).

3. Đối với các huyện, thành phố

a) Hướng dẫn cấp xã triển khai tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch 4438. Trên cơ sở kết quả tổng kết của cấp xã, tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch 4438 của cấp huyện.

b) Khen thưởng, biểu dương tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình thực hiện Kế hoạch 4438. Hồ sơ, quy trình thực hiện theo đúng các quy định về thi đua, khen thưởng.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khen thưởng cho tập thể, cá nhân cấp huyện, cấp xã.

- Đề xuất khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu của địa phương đề cơ quan thường trực (Sở Giáo dục và Đào tạo) đề nghị khen thưởng ở cấp cao hơn.

c) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về kết quả thực hiện Kế hoạch 4438 thông qua các kênh báo chí và hệ thống truyền thông cơ sở.

4. Đối với Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Ninh Thuận

a) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về các hoạt động của Kế hoạch 4438.

b) Triển khai công tác tuyên truyền quá trình tổng kết thực hiện Kế hoạch 4438 của các cơ quan, đơn vị trên toàn tỉnh.

c) Xây dựng các phóng sự, chuyên đề về những tập thể, cá nhân điển hình, cố gắng tự học, tự bồi dưỡng thành tài, tích cực học tập suốt đời, tham gia xây dựng xã hội học tập.

5. Báo cáo tổng kết thực hiện Kế hoạch 4438 và hồ sơ đề nghị khen thưởng, gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo (qua Phòng Nghiệp vụ dạy và học và theo địa chỉ thư điện tử: phonggdtx.soninhthuan@moet.edu.vn) trước ngày 30 tháng 8 năm 2020 (*theo Đề cương báo cáo gửi kèm*).

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Các sở, ngành, địa phương sử dụng nguồn ngân sách nhà nước được giao và huy động nguồn hợp pháp khác để thực hiện tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch 4438.

Trên đây là Kế hoạch tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch 4438. Trong quá trình tổ chức, thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị, địa phương chủ động đề xuất với Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

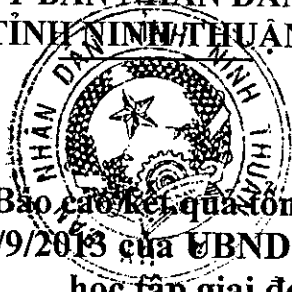
Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Hội, Đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Sở, ngành có liên quan;
- Đài PTTH, Báo Ninh Thuận;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: LD;
- Lưu: VT, VXNV. NAM.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Bình



ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo kết quả tổng kết thực hiện Kế hoạch số 4438/KH-UBND ngày 23/9/2013 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020” trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

(Kèm theo Kế hoạch số 2340/KH-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện Kế hoạch 4438

1. Công tác triển khai, quán triệt thực hiện Kế hoạch 4438 ở các cấp, các ngành trên địa bàn.
2. Công tác kiện toàn Ban Chỉ đạo xây dựng xã hội học tập các cấp; sự phối hợp giữa các sở, ban ngành, các đoàn thể, tổ chức xã hội.
3. Hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành đã ban hành.
4. Công tác thông tin, tuyên truyền
5. Công tác tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đề ra trong Kế hoạch 4438
6. Công tác thông tin, báo cáo, kiểm tra, sơ kết hàng năm.

II. Nguồn lực để triển khai thực hiện Kế hoạch 4438

1. Ngân sách địa phương bố trí thực hiện các hoạt động của Kế hoạch 4438;
2. Hỗ trợ của doanh nghiệp, cộng đồng và các đoàn thể;
3. Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện trên địa bàn.

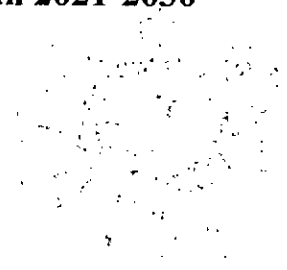
III. Kết quả thực hiện các hoạt động của Kế hoạch 4438

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch 4438 đến năm 2020 (Theo phụ lục gửi kèm)
2. Ưu điểm và tồn tại, hạn chế
3. Nguyên nhân
 - 3.1. Nguyên nhân của thành công
 - 3.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế
4. Bài học kinh nghiệm

IV. Đề xuất biểu dương tập thể, cá nhân tiên tiến (gửi kèm hồ sơ theo quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng)

V. Đề xuất định hướng, mục tiêu, phương hướng và giải pháp chủ yếu triển khai nhiệm vụ xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030

VI. Kiến nghị, đề xuất



ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr

....., ngày tháng năm 2020.

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị khen thưởng(1)

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 22/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Giáo dục;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ...(2)... ngày ... tháng ... năm 2020 về việc xét khen thưởng thành tích của các tập thể, cá nhân trong việc triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020”.

... (2)... kính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét khen thưởng (hoặc trình Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục đào tạo khen thưởng) cho:

(Ghi theo thứ tự tập thể trước, cá nhân sau; trong tập thể ghi đơn vị cơ sở trước, đơn vị dưới cơ sở sau; trong cá nhân ghi rõ họ, tên, chức vụ chuyên môn).

Kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Hội đồng TĐKT UBND tỉnh;
- Sở GDĐT;
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

(1): Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh / Thủ tướng Chính phủ / Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(2): Tên cơ quan, đơn vị đề xuất khen thưởng

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2020

BIÊN BẢN

Họp Hội đồng Thi đua – Khen thưởng(1)

Ngày tháng năm 2020, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ...(2)... họp tại để xét khen thưởng và trình khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020”.

I. Thành phần tham dự cuộc họp

(Ghi rõ họ, tên, chức danh của từng thành viên)

Các thành viên Hội đồng vắng mặt (ghi rõ họ, tên, chức danh, lý do vắng mặt).

II. Nội dung cuộc họp

1. Chủ tọa cuộc họp công bố chương trình, nội dung, yêu cầu cuộc họp;

2. Sau khi nghe Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (hoặc cán bộ phụ trách về công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị) báo cáo tình hình tiếp nhận, kết quả thẩm định hồ sơ thành tích đề nghị khen thưởng của các tập thể, cá nhân và dự kiến đề suất khen thưởng cho các tập thể, cá nhân;

Hội đồng đã thảo luận và đi đến thống nhất đề nghị ...(2)... xét quyết định khen thưởng và trình UBND tỉnh xét khen thưởng (hoặc trình Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo khen thưởng) cho các tập thể, cá nhân sau:

(Ghi theo trình tự xét khen thưởng các hình thức từ thấp đến cao; trong cá nhân ghi rõ họ, tên, chức vụ chuyên môn).

Biên bản cuộc họp đã được thông qua và được các thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp hoàn toàn nhất trí.

Cuộc họp bế mạc hồi giờ..... ngày tháng năm 2020.

Thư ký cuộc họp

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Chủ tọa cuộc họp

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(1): Tên cơ quan, đơn vị đề xuất khen thưởng.

(2): Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đề xuất khen thưởng

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO THÀNH TÍCH

ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG(1)

Về thành tích xuất sắc trong thực hiện Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020”

Tên đơn vị hoặc cá nhân và chức vụ, đơn vị đề nghị khen thưởng

(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đối với đơn vị: Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang điện tử; cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức; chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ: Họ và tên (bí danh), ngày, tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác....

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo nêu rõ nội dung những thành tích xuất sắc đã đạt được trong việc thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020” được tập thể và cấp trên ghi nhận.

XÁC NHẬN
CỦA CẤP TRÌNH KHEN²

(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(HOẶC NGƯỜI BÁO CÁO)³

(Ký, đóng dấu)

(1): Ghi hình thức đề nghị khen thưởng (Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ/Bảng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

(2): Đối với tập thể: có xác nhận của cấp trình khen.

(3): Đối với cá nhân: có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan và xác nhận của cấp trình khen.

SỐ LIỆU TỔNG KẾT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH “XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP GIAI ĐOẠN 2012-2020”

(Kèm theo Kế hoạch số 2340/KH-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

UBND các huyện, thành phố báo cáo

TT	CHỈ TIÊU	MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2012-2020 (tỷ lệ %)	THỰC HIỆN TỪNG NĂM (số lượng và tỷ lệ %)										THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016-2020 (tỷ lệ %)	DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2021-2025 (tỷ lệ %)	DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2026-2030 (tỷ lệ %)
			2016		2017		2018		2019		2020				
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %			
I	Xóa mù chữ														
1	Số người trong độ tuổi từ 15-25 biết chữ														
2	Số người trong độ tuổi từ 26-35 biết chữ														
3	Số người trong độ tuổi từ 36-60 biết chữ														
4	Số người mới biết chữ tiếp tục tham gia giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ														
10	Số lao động nông thôn tham gia học tập tại các TTHTCĐ														

SỐ LIỆU TỔNG KẾT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH “XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP GIAI ĐOẠN 2012-2020”

(Kèm theo Kế hoạch số 23A/KH-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Sở Nội vụ báo cáo

TT	CHỈ TIÊU	MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2012-2020 (tỷ lệ %)	THỰC HIỆN TỪNG NĂM (số lượng và tỷ lệ %)										THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016-2020 (tỷ lệ %)	DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2021-2025 (tỷ lệ %)	DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2026-2030 (tỷ lệ %)
			2016		2017		2018		2019		2020				
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %			
II	Nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ														
1	Số cán bộ, công chức, viên chức tham gia các chương trình học tập nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm														
2	Số cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại														

TT	CHỈ TIÊU	MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2012-2020 (tỷ lệ %)	THỰC HIỆN TỪNG NĂM (số lượng và tỷ lệ %)										THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016-2020 (tỷ lệ %)	DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2021-2025 (tỷ lệ %)	DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2026-2030 (tỷ lệ %)
			2016		2017		2018		2019		2020				
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %			
	ngữ - tiếng Anh bậc 2 (A2) hoặc tương đương.														
3	Số cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ - tiếng Anh bậc 3 (B1) hoặc tương đương, trở lên.														
4	Số cán bộ, công chức, viên chức có chứng chỉ ngoại ngữ khác (tiếng Pháp, tiếng Nhật...)														
III	Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề														

TT	CHỈ TIÊU	MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2012-2020 (tỷ lệ %)	THỰC HIỆN TỪNG NĂM (số lượng và tỷ lệ %)										THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016-2020 (tỷ lệ %)	DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2021-2025 (tỷ lệ %)	DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2026-2030 (tỷ lệ %)
			2016		2017		2018		2019		2020				
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %			
1	Số cán bộ, công chức cấp tỉnh được đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn quy định														
2	Số cán bộ, công chức cấp huyện được đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn quy định														
3	Số cán bộ, công chức cấp tỉnh giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý được đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình quy định														
4	Số cán bộ, công chức cấp huyện														

TT	CHỈ TIÊU	MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2012-2020 (tỷ lệ %)	THỰC HIỆN TỪNG NĂM (số lượng và tỷ lệ %)										THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016-2020 (tỷ lệ %)	DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2021-2025 (tỷ lệ %)	DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2026-2030 (tỷ lệ %)
			2016		2017		2018		2019		2020				
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %			
	giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý được đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình quy định														
5	Số cán bộ, công chức cấp tỉnh thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hằng năm														
6	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp huyện thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hằng năm														
7	Tỷ lệ cán bộ cấp xã được bồi														

TT	CHỈ TIÊU	MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2012-2020 (tỷ lệ %)	THỰC HIỆN TỪNG NĂM (số lượng và tỷ lệ %)										THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016-2020 (tỷ lệ %)	DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2021-2025 (tỷ lệ %)	DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2026-2030 (tỷ lệ %)
			2016		2017		2018		2019		2020				
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %			
	dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc														
8	Sô cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn theo chuẩn quy định														
9	Số công chức cấp xã thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hàng năm														

SỐ LIỆU TỔNG KẾT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH “XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP GIAI ĐOẠN 2012-2020”

(Kèm theo Kế hoạch số 240/KH-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Liên đoàn lao động tỉnh báo cáo

TT	CHỈ TIÊU	MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2012-2020 (tỷ lệ %)	THỰC HIỆN TỪNG NĂM (số lượng và tỷ lệ %)										THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016-2020 (tỷ lệ %)	DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2021-2025 (tỷ lệ %)	DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2026-2030 (tỷ lệ %)
			2016		2017		2018		2019		2020				
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %			
5	Số công nhân lao động có chứng chỉ về tin học đáp ứng yêu cầu công việc và giao lưu văn hóa														
6	Số công nhân lao động có chứng chỉ về ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc và giao lưu văn hóa														
IV	Hoàn thiện kỹ năng sống														
1	Số công nhân lao động tại các khu														

TT	CHỈ TIÊU	MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2012-2020 (tỷ lệ %)	THỰC HIỆN TỪNG NĂM (số lượng và tỷ lệ %)										THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016-2020 (tỷ lệ %)	DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2021-2025 (tỷ lệ %)	DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2026-2030 (tỷ lệ %)
			2016		2017		2018		2019		2020				
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %			
	chế xuất, khu công nghiệp có trình độ học vấn trung học phổ thông hoặc tương đương														
2	Số công nhân lao động có tay nghề cao ở các ngành kinh tế mũi nhọn														
3	Số công nhân lao động được qua đào tạo nghề														
5	Số người lao động tham gia học tập các chương trình giáo dục kỹ năng sống														